

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày: 16-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tính

Bà Đào Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Yến T**, sinh năm 1980 tại huyện S, tỉnh V; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh V; Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Phố Sông Thao, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Th, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950; Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2007, bé sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 9x/QĐ-UBKTTU ngày 2x/4/2024 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy V

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 23/01/2024 đến ngày 29/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố bị can và được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã Đ, huyện S, tỉnh V. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 1x, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền kinh doanh nên khoảng 16 giờ ngày 02/8/2023 chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu 1x, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã gọi điện thoại cho Trần Yến T, sinh năm 1980, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh V, chỗ ở hiện nay: Phố S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng, T đồng ý và thống nhất với Q về lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 30.000.000 đồng/ 01 tháng (Tương đương lãi suất 180%/năm, gấp 09 lần so với lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật Dân sự là 20%) và phải trả trước tiền lãi 01 tháng khi vay, chị Q đồng ý. Cùng ngày 02/8/2023 T sử dụng điện thoại di động của T thực hiện việc chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của T số 00115559xxxx mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện LP đến tài khoản cá nhân của chị Q số 251212xxxxxx mở tại Ngân hàng T. Chuyển khoản tiền thành công T chụp lại hình ảnh giao dịch trên điện thoại rồi gửi tin nhắn cho chị Q để bắt đầu tính nợ và tiền lãi chị Q phải trả. Sau khi nhận được tiền, chị Q đã 02 lần thanh toán tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản cho T số tiền lãi của tháng 8 và tháng 9/2023 là 60.000.000 đồng. Sau lần trả lãi thứ hai vào ngày 01/9/2023 chị Q không trả lãi lần nào nữa vì không có điều kiện để trả và xin T chỉ trả tiền gốc, T đồng ý. Đến nay, chị Q chưa trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Ngày 23/01/2023 chị Q đã tố cáo đến cơ quan điều tra về việc T cho vay lãi nặng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra làm rõ việc T cho chị Q vay số tiền 200.000.000 đồng thu lãi vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự. Tiền lãi tối đa theo lãi suất 20%/năm quy định của Bộ luật Dân sự cho khoản vay trong thời gian 2 tháng là 6.667.000 đồng. Số tiền lãi T thu lợi bất chính trên 20%/1 năm là 53.333.333 đồng.

Như vậy, trong giao dịch vay tiền giữa Trần Yến T với chị Nguyễn Thị Hồng Q thì T đã cho vay với lãi suất 180%/1 năm, gấp 9 lần (nhiều hơn 5 lần trở lên) so với mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật Dân sự là 20%/năm. Số tiền lãi mà T thu lợi bất chính trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự là: 53.333.333 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn làm rõ: Ngoài lần cho chị Q vay tiền tính lãi nặng như đã nêu trên, T còn cho chị Q vay một số lần khác với tổng số tiền 3.500.000.000 đồng nhưng T không tính lãi suất đối với số tiền này. T và chị Q thỏa thuận tự thanh toán với nhau. Đến nay chị Q đã trả T số tiền 1.200.000.000 đồng, còn nợ 2.300.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Yến T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong vụ án này, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với số tiền thu lợi bất chính là 53.333.333 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đối với số tiền 3.500.000.000 đồng T cho Q vay nhưng đều không tính lãi. Đây là giao dịch dân sự nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bản Cáo trạng số: 45/CT- VKS-VT ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Yến T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Yến T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Yến T từ 70.000.000đ đến 100.000.000đ

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu 01 sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu xám loại 256 GB đã qua sử dụng, số IMEI1: 357238094552xxx; IMEI2: 357238094848xxx

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0949.920.xxx của bị cáo.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền tiền lãi trong hạn thu được của người vay - chị Q tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 6.667.000 đồng.

- Xác nhận bị cáo T đã trả lại cho người vay là chị Nguyễn Thị Hồng Q số tiền thu lời bất chính vượt quá 20%/năm là 53.333.333 đồng.

- Buộc người vay là chị Nguyễn Thị Hồng Q phải trả lại tiền vay nợ gốc của bị cáo số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn, hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo:

Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến ngày 01/9/2023, bị cáo Trần Yến T đã cho chị Nguyễn Thị Hồng Q vay số tiền 200.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ ngày, tương đương lãi suất là 180%/năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, thu lãi tổng số 60.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính 53.333.333 đồng, lãi theo quy định của bộ luật Dân sự là 6.667.000 đồng. Do vậy bị cáo Trần Yến T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của Trần Yến T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Hình sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ tiền lãi tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo qui định của bộ luật dân sự và tiền thu lời bất chính. Ngoài ra bố đẻ và chồng bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự.

Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Động cơ phạm tội của bị cáo là vụ lợi, thu lợi bất chính nên chỉ cần áp dụng hình phạt Tiền là hình phạt chính để sung vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, bị cáo không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng của bị cáo Trần Yến T cho chị Q vay cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên tại phiên tòa đã làm rõ hiện nay chị Q chưa trả cho bị cáo khoản tiền này, chị Q cũng nhất trí giao nộp khoản tiền này, do vậy cần buộc chị Q phải nộp lại khoản tiền 200.000.000, đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi trong hạn thu được của người vay - chị Q tương ứng với mức lãi suất 20%/năm: Số tiền 6.667.000 đồng, số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ

tội phạm nên để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thì cần thiết phải tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền 53.333.333 đồng là tiền lãi vượt quá quy định pháp luật cần trả lại cho chị Q, xác nhận số tiền này bị cáo đã trả lại cho chị Q.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu xám loại 256 GB đã qua sử dụng, số IMEI1: 357238094552xxx; IMEI2: 357238094848xxx kèm sim trong máy số 0949.920.xxx thu giữ của bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động.

- 01 sim số 0949.920.xxx của bị cáo do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự .

Tuyên bố bị cáo Trần Yến T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Trần Yến T 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu xám loại 256 GB đã qua sử dụng, số IMEI1: 357238094552xxx; IMEI2: 357238094848xxx

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0949.920.xxx.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2024).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.667.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (Xác nhận bị cáo nộp số tiền này theo biên lai thu tiền số 0004633).

- Xác nhận bị cáo đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Q số tiền 53.333.333 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Q phải nộp lại số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Yến T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Cơ quan điều tra CATP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ ;
- UBND phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HSVA, VP;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Hoa

